

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch hành động ứng phó với Biến đổi khí hậu
trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;

Căn cứ Quyết định số 158/2008/QĐ-TTg ngày 02/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với BĐKH;

Căn cứ Công văn số 3815/BTNMT-KTTVBĐKH ngày 13/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn xây dựng Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH;

Căn cứ Quyết định số 1907/QĐ-UBND ngày 07/9/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh v/v phê duyệt Đề cương chi tiết và dự toán nhiệm vụ “Xây dựng Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Hà Giang”;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại tờ trình số 130/TTr-STNMT ngày 17/9/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Hà Giang, với những nội dung chính như sau:

I. Quan điểm, nguyên tắc

1. Quan điểm

- Ứng phó với biến đổi khí hậu được tiến hành trên nguyên tắc phát triển bền vững, bảo đảm tính hệ thống, liên ngành;

- Các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu được tiến hành có trọng tâm, trọng điểm, ứng phó với những tác động cấp bách trước mắt và những tác động tiềm tàng lâu dài;

- Ứng phó với biến đổi khí hậu là nhiệm vụ của toàn hệ thống chính trị, của toàn xã hội, các cấp, các ngành, các tổ chức, của mọi người dân trong tỉnh, và được thực hiện đồng thuận từ cấp xã đến cấp tỉnh;

- Các nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu phải được thể hiện và lồng ghép trong các chiến lược, chương trình, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, các huyện và các ngành.

2. Nguyên tắc

- Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang thống nhất chủ trương và chỉ đạo thực hiện các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu trên phạm vi toàn tỉnh; Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thường trực phối hợp với các ngành liên quan có trách nhiệm tham mưu cho UBND tỉnh trong việc thực hiện chỉ đạo kế hoạch;

- Bảo đảm thực hiện kế hoạch đúng chủ trương, chính sách và pháp luật của Nhà nước, nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững;
- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước và nâng cao trách nhiệm của mọi tổ chức, cá nhân trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu;
- Kế hoạch được thực hiện đồng bộ, phân chia theo giai đoạn, có trọng tâm, vừa có tính cấp bách, vừa có tính lâu dài, chủ động, kịp thời, khẩn trương và hiệu quả, bảo đảm sự phát triển bền vững của tỉnh;
- Ngân sách Nhà nước đảm bảo nguồn lực cần thiết, đồng thời huy động sự đóng góp của cộng đồng trong nước và quốc tế cho các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh.

II. Mục tiêu của Kế hoạch

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao khả năng ứng phó hiệu quả với Biến đổi khí hậu cho giai đoạn ngắn hạn và dài hạn, nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững các lĩnh vực, khu vực trên địa bàn tỉnh. Bảo vệ cuộc sống của nhân dân, phòng, tránh và giảm thiểu những tác động của thiên tai và Biến đổi khí hậu.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đánh giá mức độ tác động của Biến đổi khí hậu đến từng lĩnh vực, khu vực nhạy cảm, dễ bị tổn thương trên địa bàn tỉnh Hà Giang trên cơ sở các kịch bản Biến đổi khí hậu do Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố;
- Hoàn thiện và tăng cường năng lực tổ chức, quản lý, thể chế, chính sách, chương trình của tỉnh Hà Giang về ứng phó Biến đổi khí hậu;
- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho các cấp chính quyền, cộng đồng về Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững;
- Lồng ghép các hoạt động của Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu vào các Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, các huyện cũng như quy hoạch của từng ngành, từng lĩnh vực;
- Đề xuất các nhiệm vụ, chương trình, dự án cho các ban, ngành, địa phương nhằm ứng phó với Biến đổi khí hậu.

III. Định hướng hoạt động của Kế hoạch hành động

1. Lĩnh vực nông, lâm nghiệp và an ninh lương thực

a) Trồng trọt

- Khu vực núi đất phía Tây

Tập trung hạn chế tác động của hạn hán và lũ quét đến năng suất cây trồng bằng các biện pháp sau:

- + Thực hiện dịch chuyển mùa vụ kết hợp với thay đổi giống cây trồng để tránh khô hạn;
- + Xây dựng, cải tạo các công trình trữ nước để phục vụ tưới chống hạn vào mùa khô.

- Đối với khu vực cao nguyên đá phía Bắc

Tập trung khắc phục tình trạng hạn hán hiện nay và trong tương lai bằng

các giải pháp sau:

- + Xây dựng hệ thống thủy lợi dẫn nước về tới các làng bản;
- + Thực hiện hỗ trợ xây dựng các công trình chứa nước từ công cộng đến các hộ gia đình để chủ động trong sử dụng nước;
- + Lựa chọn các giống ngô có thời gian sinh trưởng ngắn, khả năng chịu hạn cao để tránh hạn;
- + Ngoài cây ngô ra, tiến hành đa dạng hóa cây trồng đặc biệt là cây trồng thích nghi và giá trị kinh tế cao, có thị trường bao tiêu sản phẩm này ổn định.

- Khu vực các huyện vùng thấp

Tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp, đa dạng hóa cây trồng để hạn chế thiệt hại do các hiện tượng thời tiết gây ra:

- + Thực hiện quy hoạch, khoanh vùng các khu vực thâm canh phù hợp với những biến đổi của khí hậu;
- + Tăng cường hiệu quả công tác quy hoạch ngành trồng trọt, xác định các vùng thâm canh tập trung. Từ quy hoạch nông nghiệp xác định các giống lúa phù hợp cho các kiểu địa hình bao gồm: giống lúa phù hợp với khu bãi bồi, giống lúa chịu hạn tốt cho khu vực đất dốc...
- + Lựa chọn các giống cây ăn quả chống chịu tốt, chất lượng cao đưa vào trồng ở những vùng đất đảm bảo nước tưới và tránh úng;
- + Xây dựng, bổ sung và mở rộng quy mô các công trình chứa nước phục vụ cho nông nghiệp, sinh hoạt và sản xuất của nhân dân;
- + Nghiên cứu áp dụng các mô hình trồng trọt mới phù hợp với sự biến đổi khí hậu, trong đó xác định cơ cấu cây trồng hợp lý, bền vững và có giá trị kinh tế cao;
- + Triển khai các mô hình nông lâm kết hợp, tăng cường độ che phủ cho đất, thực hiện trồng xen cây ngắn ngày và cây lâu năm trong đó cây lâu năm có tác dụng tạo môi trường vi khí hậu và dinh dưỡng cho cây ngắn ngày.

b) Chăn nuôi

- Chủ động chuẩn bị các giải pháp ứng phó với các đợt rét đậm, rét hại cho vật nuôi;
- Tăng cường các giải pháp phòng tránh và xử lý các dịch bệnh. Giai đoạn mùa đông và đầu mùa hè khi có sự thay đổi mạnh về thời tiết, cần có các chương trình truyền thông phổ biến cho người dân các biện pháp chăm sóc gia súc, các chương trình phòng chống dịch bệnh để hạn chế sự bùng phát cũng như hạn chế sự thiệt hại cho người dân.

2. Lĩnh vực Tài nguyên nước

- Vùng cao núi đá phía Bắc

- + Tiếp tục xây dựng hệ thống hồ treo đảm bảo cung cấp đủ nước sinh hoạt cho nhân dân trên địa bàn 04 huyện vùng cao núi đá;
- + Có chế độ quan trắc, quy hoạch tổng thể nguồn nước, xây dựng các công trình đập trữ nước, cân bằng nguồn nước. Việc tính toán cân bằng nguồn nước có tính đến ảnh hưởng của việc xây dựng các đập thủy điện và các tác động vận hành thủy điện;

- + Xây dựng quy hoạch và quản lý, bảo vệ nguồn nước ngầm và nước mặt.

Tăng cường công tác quản lý công trình thủy lợi và cấp nước sinh hoạt;

- + Tăng cường công tác trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ;
- + Xây dựng nguyên tắc dùng nước và tuyên truyền thay đổi thói quen dùng nước, nâng cao nhận thức người dân về tiết kiệm nước.

- Vùng cao núi đất phía Tây

- + Xây dựng hệ thống cảnh báo nguy cơ xảy ra lũ quét, lũ ống;
- + Di chuyển công trình và cộng đồng dân cư ra khỏi khu vực nguy hiểm.

Tiếp tục triển khai di dời các hộ dân ra khỏi vùng có nguy cơ sạt lở lớn theo quy hoạch và đề án đã được phê duyệt;

- + Tăng cường công tác trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ.

- Vùng thấp

- + Nâng cấp, cải tạo các hồ chứa, nâng cấp các công trình kênh mương và hệ thống cấp - thoát nước đô thị;
- + Tăng cường công tác trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ;
- + Tăng cường năng lực cho cơ quan dự báo khí tượng, thủy văn và tài nguyên nước.

3. Lĩnh vực Giao thông vận tải và hạ tầng

- Vùng cao núi đá phía Bắc

- + Xây dựng hệ thống các công trình kè tại các vị trí có khả năng xảy ra hiện tượng đá lở, đá lăn, hồ chứa điều tiết nước...;
- + Sử dụng các loại vật liệu mới phù hợp với điều kiện tự nhiên.

- Vùng cao núi đất phía Tây

- + Xây dựng, bố trí công trình điều tiết cho phù hợp: Các công trình điều tiết dòng chảy để phòng tránh lũ ống, lũ quét gồm các công trình kè sông, suối, hồ chứa điều tiết nước...;

- + Mở rộng khẩu độ cầu cống là biện pháp tình thế hiện nay. Nó đặc biệt cần thiết đối với các đoạn đường qua sông, suối nằm ngay cửa núi, điểm gãy của địa hình mà lũ quét tập trung mạnh mẽ nhất;

- + Không cấp phép việc khai thác khoáng sản, các công trình xây dựng, các điểm dân cư nằm trong hành lang bảo vệ của tuyến đường trong khu vực;

- + Xây dựng hệ thống biển báo ở hai đầu các đoạn có nguy cơ tai biến trượt, sạt lở đất cao để các phương tiện giao thông được biết. Đối với các điểm nứt đất mặt đường, các điểm trượt lở đất xảy ra nhưng chưa được khắc phục cần xây dựng rào chắn và cắm biển cảnh báo nguy hiểm.

- + Thành lập các đội cứu hộ để ứng cứu, xử lý, khắc phục hậu quả do tai biến thiên nhiên gây ra;

- + Xây dựng công trình chắn đỡ có tác dụng chống lại sự dịch chuyển của các khối đất đá...;

- + Ứng dụng vật liệu địa kỹ thuật tổng hợp tăng cường ổn định mái dốc;

- + Biện pháp giảm tải khối lượng các khối trượt. Cắt bỏ một phần đất đá ở trên đỉnh trượt nhằm đảm bảo độ ổn định cho các khối đất đá;

+ Điều tiết dòng bề mặt bằng cách san bằng bề mặt khối trượt và vị trí kê cận nó; Xây dựng hệ thống đảm bảo dẫn nước mặt; Công tác cải tạo đất bằng trồng cây.

- *Đối với vùng núi thấp*

+ Quy hoạch, bố trí các tuyến đường giao thông có tính toán đến các tác động của Biến đổi khí hậu;

+ Khuyến khích phát triển các loại phương tiện sử dụng ít hoặc không sử dụng nhiên liệu hóa thạch, đẩy mạnh nghiên cứu và sử dụng nhiên liệu tái tạo trong các phương tiện vận tải;

+ Quy hoạch sử dụng đất, bố trí hợp lý quy hoạch sử dụng đất cho khu vực làm việc và khu nhà ở trong các đô thị, khu công nghiệp và cụm công nghiệp với mục đích rút ngắn thời gian hoạt động của các phương tiện đi lại.

+ Giáo dục cộng đồng nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường.

4. Lĩnh vực công nghiệp, năng lượng

a) Đối với công nghiệp

- Quy hoạch các khu công nghiệp cần gắn liền với các quy hoạch tổng thể của khu vực, tránh hiện tượng ngập lụt cục bộ tại các nhà máy, xí nghiệp;

- Kiểm soát các khu vực chôn lấp chất thải rắn và khu vực xử lý nước thải công nghiệp;

- Đánh giá và thẩm định các dự án trên quan điểm môi trường và Biến đổi khí hậu. Chú trọng đánh giá tác động môi trường và Đánh giá môi trường chiến lược;

- Khuyến khích các dự án ít sử dụng nhiên liệu hoá thạch và có công nghệ thân thiện với môi trường.

b) Đối với năng lượng

- Quy hoạch mạng lưới thủy điện trên địa bàn tỉnh Hà Giang, đảm bảo vận hành và sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn tài nguyên nước;

- Thay đổi hướng tiếp cận quản lý nguồn nước, nhằm giải quyết bài toán giảm sút hay thay đổi chế độ dòng chảy và hình thái sông;

- Sử dụng các công nghệ có mức phát thải thấp trong sản xuất và sử dụng năng lượng hiệu quả để giảm tiêu thụ năng lượng;

- Tiết kiệm năng lượng trong sinh hoạt và sử dụng hiệu quả trong giao thông vận tải, trong sản xuất và chiếu sáng công cộng;

- Nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ: Sử dụng tiết kiệm, bảo tồn năng lượng phải được cải thiện và nâng cao hơn nữa trong tương lai.

5. Lĩnh vực y tế, sức khỏe cộng đồng

- Thực hiện tốt quy hoạch phát triển mạng lưới y tế đến năm 2015 và những năm tiếp theo. Phát hiện và khống chế dịch bệnh, kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm, chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em, người cao tuổi và các hoạt động điều trị, chăm sóc sức khỏe cho người dân ở vùng sâu, vùng khó khăn, vùng thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai, bão lụt và Biến đổi khí hậu;

- Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động dịch vụ y tế, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia cung cấp dịch vụ y tế theo hướng đa dạng hóa về khám chữa bệnh chất lượng cao;

- Tăng cường năng lực của hệ thống y tế địa phương nhằm đáp ứng kịp thời trong trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh;

- Giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng về những tổn hại đến sức khỏe do tác động của Biến đổi khí hậu và biện pháp phòng tránh;

- Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức về xã hội hóa. Hình thức tuyên truyền đa dạng, có chiều sâu và được phổ biến đến tận người dân ở mọi địa bàn trong tỉnh;

- Cập nhật phổ biến thông tin về y tế, chăm sóc sức khỏe trên các phương tiện truyền thông. Xây dựng và phổ biến các hướng dẫn dấu hiệu và triệu chứng của bệnh tật của người dân thông qua báo, đài.

IV. Giải pháp tổ chức thực hiện

1. Hoàn thiện Hệ thống tổ chức quản lý thực hiện Kế hoạch hành động

Thành lập Ban chỉ đạo ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Hà Giang để quản lý và tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu gồm:

*** Ban Chỉ đạo**

- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách khối: Trưởng ban;

- Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Phó trưởng ban thường trực;

- Các thành viên Ban chỉ đạo là đại diện lãnh đạo các Sở, ngành: Công thương, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Y tế, Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Văn hoá thể thao và du lịch, Giao thông vận tải, Đài phát thanh truyền hình tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Trung tâm dự báo KTTV tỉnh Hà Giang,....;

*** Cơ quan thường trực ban chỉ đạo**

Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo đặt tại Sở Tài nguyên và Môi trường có nhiệm vụ tham mưu cho Ban chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch hành động.

2. Giải pháp về khoa học công nghệ

- Áp dụng công nghệ tiên tiến phù hợp trên từng lĩnh vực vào điều kiện của tỉnh nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu;

- Đầu tư trang thiết bị công nghệ, đào tạo đội ngũ cán bộ đủ trình độ và năng lực, xây dựng mối quan hệ với các ngành, các cấp, tổ chức tập huấn tuyên truyền ý thức cộng đồng để đáp ứng nhanh, kịp thời, chính xác khi có thiên tai xảy ra.

3. Giải pháp về huy động nguồn lực

- Phát triển nguồn nhân lực: Phát huy đội ngũ cán bộ khoa học hiện có, xây dựng các chương trình, xây dựng cơ chế thu hút nhân tài, các nhà khoa học trẻ. Huy động nguồn nhân lực thông qua công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng về biến đổi khí hậu.

- Giải pháp về nguồn tài chính: Tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các nguồn vốn của Chính phủ, bộ, ngành; đặc biệt là nguồn Ngân sách nhà nước cấp cho Chương trình mục tiêu Quốc gia, các thành phần kinh tế khác và từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để triển khai các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu.

4. *Lồng ghép với chương trình, kế hoạch phát triển địa phương*

Lồng ghép vấn đề biến đổi khí hậu vào các chiến lược, chương trình, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển của tỉnh, các ngành và địa phương.

Xem xét tác động tiềm tàng của biến đổi khí hậu và các giải pháp ứng phó trong việc xây dựng, điều chỉnh và bổ sung vào các chiến lược, chương trình, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển của tỉnh, các ngành và địa phương.

a, *Về quy hoạch*

Trên cơ sở Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV và Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu, tiến hành điều chỉnh và định hướng quy hoạch phát triển các ngành, đẩy mạnh quy hoạch chi tiết gắn với xây dựng các chương trình, dự án để có lộ trình đầu tư theo kế hoạch đến năm 2015 và đến năm 2020, làm cơ sở xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm.

Nâng cao chất lượng các quy hoạch và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về quy hoạch đáp ứng tình hình mới.

b, *Về công tác kế hoạch hoá*

Tăng cường tính cụ thể hoá của chiến lược và quy hoạch trong kế hoạch 5 năm và hàng năm, đồng thời tăng cường các biện pháp kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện kế hoạch hoá ở các cấp, các ngành.

5. *Giải pháp về tăng cường hợp tác quốc tế*

- Tranh thủ khai thác, tiếp nhận và sử dụng hiệu quả các nguồn tài trợ của quốc tế bao gồm: Cung cấp tài chính, chuyển giao công nghệ mới thông qua hợp tác quốc tế. Trước hết cho đổi mới công nghệ và xử lý rác thải sinh hoạt;

- Tham gia các hoạt động hợp tác, kết nối với các hoạt động khu vực và toàn cầu về biến đổi khí hậu theo yêu cầu nhiệm vụ của địa phương;

- Chủ động xây dựng và đề xuất các đề tài, dự án, đề án để tìm kiếm các nguồn tài trợ của đối tác nước ngoài, chủ động đón bắt thời cơ cho hoạt động giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu;

- Tạo điều kiện cho cán bộ khoa học công nghệ của tỉnh tiếp cận được các tiến bộ Khoa học, kỹ thuật của các nước trong khu vực và thế giới, làm chủ được công nghệ nhập ngoại, tạo nguồn lực Khoa học, kỹ thuật cho tỉnh.

6. *Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, dự án:* Trước mắt tổ chức xây dựng và triển khai thực hiện một số chương trình, dự án đối với một số lĩnh vực, khu vực ưu tiên và dễ bị tổn thương nhất. Trong giai đoạn tiếp theo, cần rút ra các bài học, kinh nghiệm thực hiện của các năm, giai đoạn trước đó để triển khai thực hiện một cách toàn diện và hiệu quả cho các ngành và địa phương. (có danh mục các chương trình dự án kèm theo).

V. Nguồn vốn thực hiện: Tổng kinh phí thực hiện kế hoạch đến năm 2020 là 1.119,5 tỷ đồng từ các nguồn vốn gồm:

- Ngân sách nhà nước cấp hàng năm theo Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu;
- Lồng ghép với các chương trình, dự án khác có liên quan;
- Các nguồn hỗ trợ tài chính từ các tổ chức trong nước và quốc tế;
- Ngân sách đối ứng thực hiện các chương trình của tỉnh;
- Các nguồn vốn khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Tham mưu cho UBND tỉnh thành lập Ban chỉ đạo ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Hà Giang để quản lý và tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu.
- Là đầu mối trong việc phối hợp, hướng dẫn và hỗ trợ các Sở, Ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức đoàn thể trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch.
- Điều phối chung các hoạt động về thông tin, giáo dục và truyền thông liên quan đến biến đổi khí hậu.
- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính xây dựng cơ chế giám sát, đánh giá thực hiện Kế hoạch hành động và triển khai thực hiện.
- Định kỳ hàng năm sơ kết, tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện Kế hoạch, đề xuất giải quyết những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp, hướng dẫn các sở, ngành và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, rà soát, đánh giá và đưa yếu tố biến đổi khí hậu vào các Quy hoạch, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong quá trình xây dựng, điều chỉnh quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.
- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính phân bổ các nguồn vốn, điều phối các nguồn tài trợ, bao gồm cả các nguồn vốn ngân sách nhà nước hàng năm cho các chương trình và dự án liên quan đến Biến đổi khí hậu.

3. Sở Tài chính: Chỉ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý, cân đối, phân bổ các nguồn vốn (ngân sách nhà nước, tài trợ...) hàng năm cho các dự án, nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu theo Kế hoạch.

4. Các sở, ban, ngành và cơ quan liên quan

- Thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch;
- Chủ động tham gia các hoạt động phối hợp chung theo sự chỉ đạo của Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh;
- Đảm bảo sử dụng đúng mục tiêu và có hiệu quả nguồn vốn của Kế

hoạch; đồng thời, chủ động huy động thêm nguồn lực, lồng ghép các hoạt động của Kế hoạch này vào các hoạt động liên quan thuộc các chương trình, kế hoạch khác trong lĩnh vực của mình nhằm đạt mục tiêu của Kế hoạch;

- Định kỳ báo cáo tiến độ thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch, đề xuất giải quyết những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường).

5. Ủy ban Nhân dân các huyện, thành phố

- Tổ chức thực hiện các hoạt động liên quan được phê duyệt trong Kế hoạch;

- Huy động và sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn lực địa phương cho việc thực hiện Kế hoạch;

- Thực hiện tự giám sát và định kỳ sơ kết đánh giá rút kinh nghiệm việc thực hiện Kế hoạch;

- Đảm bảo sử dụng đúng mục tiêu và có hiệu quả nguồn vốn của Kế hoạch; đồng thời chủ động huy động thêm nguồn lực và lồng ghép các hoạt động của Kế hoạch này vào các hoạt động liên quan thuộc các chương trình, kế hoạch khác của địa phương mình nhằm đạt mục tiêu của Kế hoạch.

- Định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch, đề xuất giải quyết những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường). Định kỳ sơ kết, rút kinh nghiệm kết quả thực hiện Kế hoạch tại địa phương.

6. Các tổ chức xã hội và doanh nghiệp: Khuyến khích các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức phi Chính phủ và doanh nghiệp tùy theo chức năng, nhiệm vụ của mình, chủ động tham gia vào các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu, đặc biệt là lĩnh vực thông tin, giáo dục và truyền thông; hỗ trợ và huy động sự tham gia của cộng đồng, phổ biến kinh nghiệm các mô hình ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu; thực hiện hoặc tham gia thực hiện các đề án, dự án trong Kế hoạch hành động của các ban, ngành, địa phương.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban ngành và các đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- T.Tr Tỉnh ủy;
- T.Tr HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Minh Tiến



PHỤ LỤC

DANH MỤC
CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN TRONG KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
TỈNH HÀ GIANG GIAI ĐOẠN 2011-2015 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 16/9/2012 của UBND tỉnh Hà Giang)

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu đạt được	Nội dung chính	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kinh phí (tỷ đồng)
A	Giai đoạn 2011-2015					
1	Nghiên cứu các giải pháp đa lợi ích bảo vệ và phát triển rừng nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống tai biến theo hướng phát triển bền vững	Nâng cao năng lực chính quyền và người dân tỉnh Hà Giang đảm bảo cho công tác bảo vệ và phát triển rừng, giảm thiểu tai biến trượt lở, lũ bùn, lũ quét, phục vụ phát triển kinh tế xã hội, xóa đói giảm nghèo, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường, ứng phó với BĐKH, đồng thời góp phần giữ vững an ninh, quốc phòng và phát triển bền vững tại các huyện miền núi tỉnh Hà Giang trong bối cảnh biến đổi khí hậu.	- Điều tra đánh giá bổ sung các điều kiện về tài nguyên và môi trường tự nhiên cho ứng phó với BĐKH và phát triển bền vững. - Điều tra đánh giá bổ sung hiện trạng kinh tế - xã hội và nhân văn. - Xây dựng kịch bản biến đổi khí hậu của các huyện với mô hình GCM (General Circulation Model). - Đánh giá dự báo tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai đi kèm đối với phát triển dân cư kinh tế. - Trồng và bảo vệ rừng trên quan điểm phù hợp về đa dạng sinh học và ứng phó với BĐKH. - Xây dựng và thí điểm triển khai mô hình bảo vệ và phát triển rừng ứng phó với	Sở Tài nguyên và Môi trường	- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Sở Khoa học và Công nghệ; - Các Sở Ngành liên quan; - UBND các huyện, thành phố.	300.000



			BĐKH dựa vào cộng đồng. - Tăng cường năng lực thể chế cấp tỉnh và huyện nhằm hỗ trợ các chính sách bảo tồn góp phần ứng phó với BĐKH. - Nâng cao nhận thức và phát triển/quản lý tri thức, đặc biệt là tri thức bản địa trong ứng phó với BĐKH. - Xây dựng mô hình xã miền núi an toàn với tai biến và phát triển bền vững - Xây dựng mô hình làng bản an toàn với thiên tai đối với một số cụm dân cư đặc biệt khó khăn - Quy hoạch sử dụng đất có gắn với BĐKH; Quy hoạch, khai thác sử dụng bền vững lưu vực sông. - Đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quản lý về BĐKH			
2	Dự án quy hoạch xây dựng các hệ thống công trình thủy lợi đáp ứng nhu cầu sử dụng nước trong nông nghiệp có tính đến kịch bản BĐKH.	- Quản lý tổng hợp nguồn tài nguyên nước phục vụ cho phát triển bền vững của tỉnh Hà Giang. - Đảm bảo cung cấp đủ nước sinh hoạt cho người dân khu vực vùng cao núi đá phía Bắc.	- Thu thập, điều tra, đánh giá thực trạng về hoạt động trồng trọt, chăn nuôi trên địa bàn tỉnh; nhu cầu sử dụng nước của người dân trên địa bàn tỉnh (đặc biệt là vùng cao núi đá phía Bắc), trong trồng trọt. - Xây dựng quy hoạch bố trí	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	- Sở Tài nguyên và Môi trường; - Sở Kế hoạch Đầu tư, UBND các huyện	4.000

			hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh			
3	Xây dựng hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về khí tượng, thủy văn có tính đến ảnh hưởng của BĐKH.	- Đánh giá hiện trạng dữ liệu thủy văn. - Đánh giá ảnh hưởng BĐKH tới dòng chảy thủy văn. - Xây dựng CSDL thủy văn phục vụ sử dụng hợp lý tài nguyên nước.	Hệ thống thông tin CSDL thủy văn trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Trung tâm KTTV tỉnh Hà Giang	1.500
4	Nghiên cứu luận cứ khoa học để xác định cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với các vùng sinh thái nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Hà Giang.	Đưa ra những luận cứ khoa học làm cơ sở xác định cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với tình hình biến đổi khí hậu tỉnh Hà Giang và phù hợp với từng vùng sinh thái của tỉnh.	- Đánh giá thực trạng tình hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với biến đổi khí hậu tỉnh Hà Giang. - Đề xuất những giải pháp khoa học điều chỉnh quá trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi tỉnh Hà Giang.	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	- Sở Tài nguyên và Môi trường; - Sở Khoa học và Công nghệ - Trung tâm KTTV tỉnh Hà Giang.	4.000
5	Dự án quy hoạch, xây dựng và kiểm soát hệ thống các bãi chôn lấp chất thải rắn và các khu vực xử lý nước thải tập trung trên địa bàn tỉnh.	Xây dựng được hệ thống các bãi chôn lấp chất thải rắn và các khu xử lý nước thải tập trung cho các huyện trên địa bàn tỉnh. Có biện pháp quản lý và kiểm soát sau xây dựng nhằm sử dụng hiệu quả các công trình được đầu tư.	Quy hoạch xây dựng hệ thống các bãi chôn lấp chất thải rắn và các khu xử lý nước thải tập trung cho các huyện trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	UBND các huyện, thành phố	200.000
6	Hỗ trợ nhân dân xây dựng hầm Biogas để xử lý chất thải sinh hoạt và giảm thiểu phát thải khí nhà kính ra môi trường	Các hộ dân khu vực nông thôn được tiếp cận và ứng dụng các mô hình xây dựng bể Biogas để xử lý chất thải chăn nuôi	- Xây dựng các điểm mô hình về bể Biogas để nhân dân học tập. - Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật xây dựng, sử dụng Bể Biogas. - Hỗ trợ nhân dân chuyển giao	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	- Sở Khoa học và Công nghệ; - Sở Tài nguyên và Môi trường	40.000



			công nghệ và xây dựng bể Biogas - Hỗ trợ kinh phí cho nhân dân để nhân rộng mô hình			
7	Các dự án xây dựng các công trình phòng chống sụt lở bờ sông, suối Biên giới, nội địa	Xây dựng các công trình kè chống sụt lở tại những khu vực xung yếu nhằm bảo vệ các khu vực dân cư, đất canh tác	Xây dựng các công trình kè kiên cố bằng bê tông cốt thép	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	- Sở Khoa học và Công nghệ; - Sở Tài nguyên và Môi trường	200.000
B	Giai đoạn 2016 - 2020					
8	Tăng cường đầu tư các dự án cấp nước đô thị và công nghiệp, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	- Đảm bảo vệ sinh môi trường, hệ thống cấp nước sinh hoạt hoàn chỉnh cho khu vực thành phố và các thị trấn. - Vệ sinh môi trường nông thôn	Xây dựng các khu xử lý rác thải, các nhà máy xử lý chất thải sinh hoạt đạt tiêu chuẩn Thực hiện các mô hình xử lý chất thải khu vực nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở KII & ĐT, KH và CN	100.000
9	Tăng cường triển khai các dự án CDM (Cơ chế phát triển sạch - Clean Development Mechanism CDM)	- Thúc đẩy các Dự án CDM; - Khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài theo cơ chế CDM.	Hỗ trợ các chủ dự án lập các thủ tục theo cơ chế phát triển sạch CDM	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Kế hoạch và Đầu tư	20.000
10	Tiếp tục các dự án khoanh nuôi, phục hồi và trồng rừng phủ xanh đất trống	Trồng rừng tại những khu vực đất chưa sử dụng, đặc biệt là tại các huyện vùng cao núi đá	Hỗ trợ nhân dân bản địa khoanh nuôi, phục hồi rừng và trồng rừng	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	UBND các cấp, Sở Tài nguyên và Môi trường	50.000
11	Tiếp tục thực hiện các Dự án xây dựng các công trình phòng chống sụt lở bờ sông, suối Biên giới, nội địa	Xây dựng các công trình kè chống sụt lở tại những khu vực xung yếu nhằm bảo vệ các khu vực dân cư, đất canh tác	Xây dựng các công trình kè kiên cố bằng bê tông cốt thép	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	- Sở Khoa học và Công nghệ; - Sở Tài nguyên và Môi trường	200.000
	CỘNG					1.119.500